

Biểu mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Cuối tuổi 24 – 36 tháng, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: nặng 14.7kg; cao 96.5cm + Trẻ gái: nặng 13.9kg; cao 95.6cm	- Cuối 3 – 4 tuổi, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: nặng 12.9kg đến 16.7kg; cao 94.4cm đến 102.9cm + Trẻ gái: nặng 12.6kg đến 16kg; cao 93.5cm đến 101.6cm - Cuối 4 – 5 tuổi, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: nặng 14.4kg đến 18.7kg; cao 100.7cm đến 109.9cm + Trẻ gái: nặng 13.8kg đến 17.7kg; cao 99.3cm đến 108.4cm - Cuối 5 – 6 tuổi, trẻ phải đạt: + Trẻ trai: nặng 16kg đến 20.7kg; cao 106.4cm đến 116.1cm + Trẻ gái: nặng 15kg đến 19.5kg; cao 104.8cm đến 114.6cm
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Thông tư số 51/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về ban hành bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	* Giáo dục phát triển thể chất: - Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân. - Thực hiện vận động cơ bản và phát triển vận động tổ chất ban đầu: đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh – chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay, tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào	* Giáo dục phát triển thể chất: - Thực hiện thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. - Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động: - Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực các hiện vận động: đi lên xuống ván dốc, đứng một chân và giữ

	đích xa 1- 1,2m. - Có một số nền nếp thói quen tốt trong sinh hoạt: Cất dép, cặp, đi vệ sinh...đúng nơi quy định. * Giáo dục phát triển nhận thức: - Trẻ biết khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan: sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. - Có một số hiểu biết ban đầu về các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc với trẻ: nói được tên và những người gần gũi; nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể. - Nhận biết được một số màu cơ bản: đỏ, xanh, vàng. - Nhận biết được đồ chơi có kích thước to, nhỏ. - Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. * Giáo dục phát triển ngôn ngữ: - Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản. - Biết thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói. - Trẻ nghe và nhắc lại các âm, các tiếng và các câu: Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. - Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. - Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp như: chào hỏi, trò chuyện, bày tỏ nhu cầu của bản thân, hỏi về các vấn đề quan tâm. * Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: -Trẻ biểu lộ được nhận thức của bản thân: nói được một vài thông tin về bản thân (tên, tuổi). - Thể hiện điều mình thích và không thích. - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	thăng bằng... - Phối hợp tay - mắt trong vận động như: bắt và ném bóng, đi, đập và bắt bóng nảy, ném trúng đích... - Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt. - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe: Vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, bỏ rác đúng nơi quy định. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh như: không đến gần hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...không đi cùng người lạ... * Giáo dục phát triển nhận thức: - Biết xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng... - Nhận biết được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản của sự vật, hiện tượng. - Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán: Nhận biết số đếm, so sánh số lượng của ba nhóm trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất, tách gộp trong phạm vi 10. - Trẻ nhận biết được bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Trẻ nhận biết được một số nghề truyền thống ở địa phương. - Trẻ nhận biết được một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. * Giáo dục phát triển ngôn ngữ: - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện, lễ phép khi giao tiếp với người lớn. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.(Đối với trẻ 5-6 tuổi nhận dạng được các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt) * Giáo dục phát triển tình cảm và
--	--	--

		- Trẻ biết thể hiện các hành vi xã hội đơn giản: Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ, chơi thân thiện cạnh trẻ khác... và thực hiện một số yêu cầu của người lớn. - Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc. - Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	kỹ năng xã hội: - Biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Có một số phẩm chất cá nhân: Mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: Tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi. * Giáo dục phát triển thẩm mỹ: - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, CB-GV-CNV đạt chuẩn phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ	Đảm bảo đủ điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, CB-GV-CNV đạt chuẩn phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ

TP. Thủ Đức, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị


Phạm Thị Hồng Kiều Loan

Biểu mẫu 02
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	407			39	67	142	159
1	Số trẻ em nhóm ghép	0			0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0			0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	407			39	67	142	159
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0			0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	407			39	67	142	159
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	407			39	67	142	159
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	407			39	67	142	159
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường							
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân							
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi							
5	Số trẻ thừa cân béo phì							
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	407			39	67	142	159
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	39			39			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	368				67	142	159

TP. Thủ Đức, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hồng Kiều Loan

Biểu mẫu 03
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG
THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	31	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học	16	-
1	Phòng học kiên cố	16	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	7.908 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3.311,8 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	3.928,7	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	2.648,3	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	2.648,3	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	51,6	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	3.311,8	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	78,4	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	58,9	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	196	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	16	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	16	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	75	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	26 máy vi tính, 10 máy in 1 máy chiếu	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Ti vi	20	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	25	
3	Máy photo	02	
5	Catsset	15	

6	Đầu Video/đầu đĩa	18	
			

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	51.6		266,24		0,78
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	
..			

TP. Thủ Đức, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hồng Kiều Loan

Biểu mẫu 04
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
TRƯỜNG MẦM NON VƯỜN HỒNG
THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non,
năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	48		01	22	07	07	11	15	05	13	19	14		
I	Giáo viên	31							15	05	11	17	12		
1	Nhà trẻ	6			5		1		3	2	1	04	02		
2	Mẫu giáo	25			15	6	4		12	03	10	13	12		
II	Cán bộ quản lý	02		01	01						02	02			
1	Hiệu trưởng	01		01							01	01			
2	Phó hiệu trưởng	01			01						01	01			
III	Nhân viên	15			01	01	02	11							
1	Nhân viên văn thư	01				01									
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	01					01								
5	Nhân viên khác	12					01	11							
..	..														

TP. Thủ Đức, ngày 01 tháng 11 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thị Hồng Kiều Loan